

Bản án số: 802/2019/HS-PT
Ngày 29 tháng 11 năm 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Văn;

Ông Phạm Công Mười.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 438/2019/TLPT – HS ngày 26 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo Huỳnh Tấn L, do có kháng cáo của người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 232/2019/HSST ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo:

Huỳnh Tấn L, sinh ngày 22/12/1974, tại Đồng Nai; giới tính: nam; nơi ĐKKHTT và chỗ ở: đường A, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: đại học; nghề nghiệp: nguyên cán bộ ngân hàng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; con ông Huỳnh Văn Đ (chết) và bà Nguyễn Thị Xuân M, sinh năm 1953; vợ: Nguyễn Thị Thu S, sinh năm 1974; con: có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 20/6/2015. (có mặt)

- **Người bị hại:** Bà Võ Thị K, sinh năm 1949.

Địa chỉ: đường L, Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Lê Văn Ph, sinh năm 1960.

Địa chỉ: đường Đ, Phường 11, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

2. Bà Trần Hòa Thanh Nh, sinh năm 1981.

Địa chỉ: đường Tr, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

3. Ông Vương Cẩm Q, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Đường 3/2, Phường 6, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị hại: Luật sư Phan Trung H – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Lê V và bà Nguyễn Thị Minh H; địa chỉ: đường H, Phường 10, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn Q. (vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc L; địa chỉ: đường N, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

3. Ông Võ Thiện L; địa chỉ: khu phố 6, phường A1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Phan Bảo Ng; địa chỉ: đường B1, phường Ph, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Thái Văn Ch. (vắng mặt)

5. Ông Cao Hoài Nh; địa chỉ: đường Ng, phường Ng1, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

6. Ông Nguyễn Trung Th; địa chỉ: đường Đ, phường Ph, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

7. Bà M Thanh Th1; địa chỉ: ấp Ph, xã Ph1, huyện Ch, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở: Phường 13, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

8. Ông Trần Văn T; địa chỉ: đường 3/2, Phường 6, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh (đã chết).

Người đại diện theo pháp luật của ông Trần Văn T:

+Bà Tô Thị Kim Ng, sinh năm 1958.

+Bà Trần Bích V, sinh năm 1979.

+Bà Trần Kim H, sinh năm 1977.

+Bà Trần Phi Y, sinh năm 1984.

+Ông Trần Anh T, sinh năm 1983.

Cùng trú tại địa chỉ: Đường 3/2, Phường 6, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các bà Tô Thị Kim Ng, Trần Bích V, Trần Kim H, Trần Phi Y cùng ủy quyền cho ông Trần Anh T. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T: Luật sư Lê Ngọc Ph – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

9. Ông Dương Đình N và bà Phạm Thị Bé B; địa chỉ: đường Ng2, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: khu phố 2, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

10. Ông Cung Thế T; địa chỉ: đường L1, phường T2, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: chung cư H, đường L1, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

11. Bà Lê Thị KIỀU D; Địa chỉ: khu phố Th2, thị xã D, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

12. Bà Lý Ngọc D; Địa chỉ: đường C, phường Ng1, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

13. Ông Nguyễn Công H và bà Lê Thị H; địa chỉ: đường Ng3, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. (Ông Hậu vắng mặt, bà Huệ có mặt)

14. Bà Nguyễn Thị H1; địa chỉ: Đường 100 B, Phường 14, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

15. Bà Trần Thị Quỳnh Ch; địa chỉ: Khu phố 5, phường Tr1, quận Th3, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

16. Ông Phạm Hồ H và bà Phan Thị Th; địa chỉ: T5, khu phố 5, phường T3, thành phố B2, tỉnh Đồng Nai. (vắng mặt)

17. Ông Phạm Văn H và bà Đặng Thị Xuân H; địa chỉ: đường C, phường Ph, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

18. Bà Nguyễn Thị Ngọc L; địa chỉ: đường N, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

19. Ông Phạm Minh T1; địa chỉ: Đường 15, khu phố 1, phường B4, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

20. Ông Nguyễn Văn M; địa chỉ: đường T4, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

21. Bà Hồ Thị Ng; địa chỉ: đường Ng4, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

22. Ông Dương Đức Nh; địa chỉ: đường H3, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

23. Ông Võ Thiện L; địa chỉ: khu phố 6, phường A1, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

24. Bà M Thị Th; địa chỉ: đường Đ, phường 17, quận B5, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

25. Bà Dương Thị H; địa chỉ: Đường HT 17, phường H5, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

26. Bà Nguyễn Thị Thu S; địa chỉ: đường A, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

27. Bà Huỳnh Thị Thúy K; địa chỉ: đường A, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

28. Ngân hàng TMCP C; trụ sở: đường H6, phường Ng6, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Sĩ D – chức vụ: Phó giám đốc. (có mặt)

29. Công ty TNHH TMXD V; địa chỉ: Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn B – Chủ tịch HĐQT. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Võ Thị K và bà Nguyễn Thị Xuân M có quan hệ thân thiết với nhau từ năm 2009. Do biết bà K có nhiều khoản tiền gửi tiết kiệm tại các Ngân hàng nên bà M đặt vấn đề nhờ bà K gửi tiền vào các phòng giao dịch Ngân hàng Thương mại Cổ phần C (Vietinbank) do Huỳnh Tấn L con trai bà M phụ trách, giúp L tăng doanh số huy động vốn để thuận lợi trong công việc được giao. Bà K đồng ý và từ tháng 7/2010, bắt đầu gửi nhiều khoản tiền vào các Phòng giao dịch thuộc Vietinbank Chi nhánh 1. Vì bà Võ Thị K có lượng tiền gửi lớn nên từ tháng 10/2011, Vietinbank Chi nhánh 1 đồng ý cho Huỳnh Tấn L được thực hiện các giao dịch tại nhà bà K. Trong thời gian này, bà K thường ký vào các giấy tờ do L đưa nhưng không đọc nội dung, đến ngày 01/9/2013, bà K thông báo thay đổi mẫu chữ ký. Sau khi bà K gửi tiền vào Vietinbank một thời gian, Huỳnh Tấn L đặt vấn đề vay tiền của bà K để làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng (cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu vay vốn trả các khoản tín dụng đến hạn để họ được vay lại), L sẽ trả lãi suất cao hơn gửi Ngân hàng. Với thỏa thuận đó, từ tháng 10/2010 đến tháng 11/2012, bà K đã cho L vay tổng số 239,5 tỷ đồng và 8.687.000 USD. Việc giao tiền cho L được ghi nhận bằng 09 tờ giấy vay mượn tiền, trong đó Huỳnh Tấn L cùng vợ là Nguyễn Thị Thu S ký tên xác nhận 08 giấy và Huỳnh Tấn L ký 01 giấy. Số tiền bà K cho L vay đều là tiền mặt, chủ yếu được rút từ các khoản tiền bà K gửi tiết kiệm trước đó tại các ngân hàng. Số tiền vay của bà K nêu trên, L đã sử dụng vào việc cho người khác vay đáo hạn ngân hàng; mua, bán tài sản, nhà đất; trả lãi vay và trả nợ cho nhiều người khác; chi tiêu dùng cho cá nhân và gia đình. Việc trả nợ cho bà K xác định trong các

ngày 23, 26 và 29/5/2012, Huỳnh Tấn L trả 03 khoản với tổng số 25,4 tỷ đồng; ngày 25/8/2012, L cầm trù căn nhà số 58/9 A, Phường 9, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh trị giá 10 tỷ đồng. Huỳnh Tấn L còn nợ bà K số tiền gốc là 204,1 tỷ đồng và 8.687.000 USD = 180.932.836.000 VNĐ, theo tỷ giá Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại công văn số 1039/HCM-QLNH ngày 28/4/2016 cung cấp tỷ giá USD trong tháng 7 và tháng 9/2012, 01 USD bằng 20.828 VNĐ.

Cuối năm 2012, do mất khả năng trả nợ, lợi dụng lòng tin của bà K khi làm thủ tục giao dịch chỉ ký mà không đọc nội dung và thường ký vào các biểu mẫu chưa ghi nội dung để L thực hiện giao dịch rút tiền, nhận tiền lãi của các khoản tiền gửi tiết kiệm nên Huỳnh Tấn L nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền đang nợ bà K bằng cách sử dụng máy vi tính và máy in (tại nhà riêng của L), lập in không vào 09 tờ giấy khổ A4 rồi đưa bà K ký gồm: 05 tờ để trống phần trên khoảng 05 dòng, phần dưới có nội dung: “...*Biên nhận này được lập thành 02 (hai) bản, người giao tiền (ông L) giữ 01 (một) bản, người nhận tiền (bà K) giữ 01 (một) bản, có giá trị pháp lý như nhau...*”; 04 tờ, mỗi tờ in một mặt giấy với nội dung “*Việc giao nhận số tiền mặt trên được thực hiện vào lúc...giờ... cùng ngày...*”, “*Bên B đã nhận đủ số tiền của Bên A bằng tiền mặt ngay khi ký Hợp đồng này. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng này được lập thành 02 bản gốc có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 01 bản, Bên B giữ 01 bản...*”, “*Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng này được lập thành 02 bản mỗi bên giữ 01 bản, có giá trị pháp lý như nhau...*”, “*Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hợp đồng này được lập thành 02 bản gốc có giá trị pháp lý như nhau Bên A giữ 01 bản, Bên B giữ 01 bản*”. Sau khi soạn và in 09 tờ giấy có nội dung nêu trên, L mang đến nhà đưa cho bà K ký dưới mục “Bên nhận đã nhận tiền” và “Bên A”.

Đến khoảng tháng 8/2014, bà K liên tục đòi nợ, L không còn khả năng trả nên thực hiện ý định chiếm đoạt số tiền đã vay của bà K bằng thủ đoạn soạn thảo, in ghép thêm nội dung vào 09 tờ giấy mà bà K đã ký trước đó gồm: 01 giấy xác nhận, 02 biên nhận không đã trả hết nợ bà K; 03 hợp đồng, 03 giấy biên nhận L cho bà K vay 82 tỷ đồng và 3.866 lượng vàng SJC. Cụ thể: 05 tờ L in ghép thêm 01 dòng tiêu đề biên nhận bằng chữ in hoa và 02 dòng có nội dung L giao tiền cho bà K bằng chữ in thường vào phần giấy trống bên trên phần chữ đã in trước. Sau đó, L dùng bút mực viết ngày tháng và ký tên tại mục bên giao, tạo thành 05 tờ giấy biên nhận có nội dung L giao tiền cho bà K gồm: “Biên nhận nhận tiền” ghi ngày 10/08/2013: Tôi, Võ Thị K có nhận của ông L 42 tỷ đồng và 6.246.000 đô la Mỹ. Vậy đến nay ông L còn nợ tôi tất cả là 14 tỷ đồng chẵn. “Biên nhận, nhận hết nợ tiền mượn” ghi ngày 16/12/2013, Tên tôi: Võ Thị K đã nhận đủ tất cả số tiền nợ còn lại mà vợ chồng ông Huỳnh Tấn L đã vay, đã trả nhiều lần trước đây. “Biên nhận nhận tiền vay” ghi ngày 22/02/2014, Tôi, Võ Thị K có vay mượn và nhận của ông L số tiền là 82 tỷ đồng. “Biên nhận nhận tiền vay” ghi ngày 12/4/2014, Tôi, Võ Thị K có vay và nhận của ông L số tiền là 125.265.000.000 đồng. “Biên nhận nhận tiền” ghi ngày 31/5/2014, Tôi, Võ Thị

K có vay mượn vàng và nhận của ông L 13.344.360.000 đồng, quy đổi 366 lượng vàng SJC. 04 tờ L soạn nội dung giao dịch về việc trả nợ, vay mượn tiền giữa bà K với L trong 01 trang giấy, sau đó in ghép vào trang trước của tờ giấy đã được bà K ký tên ở trang sau thành 01 giấy xác nhận và 03 hợp đồng gồm 02 trang với nội dung: “Giấy xác nhận nợ và nhận tiền” ghi ngày 28/7/2013, vợ chồng L trả bà K 20 tỷ đồng, còn nợ 56 tỷ đồng và 6.246.000 đô la Mỹ. “Hợp đồng vay vàng” ghi ngày 12/4/2014, L cho bà K vay 3.500 lượng vàng SJC, quy đổi thành tiền là 125.265.000.00 đồng. “Hợp đồng cho vay tiền” ghi ngày 22/02/2014, L cho bà K vay 82 tỷ đồng. “Hợp đồng xác nhận nợ vay” ghi ngày 12/8/2014, bà K xác nhận còn nợ L số tiền gốc là 82 tỷ đồng và 3.866 lượng vàng SJC; lãi là 18.586.000.000^d và 297 lượng vàng SJC.

Sau khi hoàn thành các giấy tờ nêu trên, Huỳnh Tấn L nhiều lần điện thoại, nhắn tin cho bà K đòi nợ và đe dọa sẽ gửi đơn tố cáo nếu bà K không trả tiền. Ngày 26/8/2014, L gửi đơn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tố cáo bà K chiếm đoạt 82 tỷ đồng và 3.866 lượng vàng SJC, Công an Quận 10 hướng dẫn L gửi đơn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh hoặc khởi kiện tại Tòa án nhân dân.

Ngày 22/9/2014, L gửi đơn đòi nợ bà K tại Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và ngày 01/10/2014, Tòa án nhân dân quận T ra thông báo về việc thụ lý đơn. Ngày 05/9/2014, bà K có đơn tố cáo Huỳnh Tấn L có hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản. Ngày 16/12/2015, Huỳnh Tấn L rút đơn khởi kiện, đến ngày 22/12/2015, Tòa án nhân dân quận T ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, nguyên đơn là Huỳnh Tấn L.

Tại bản kết luận giám định số 1971/C54-P5 ngày 18/5/2015, Viện khoa học hình sự Bộ Công an xác định: Chữ ký, chữ viết phần họ tên là do bà K và L ký và viết; trên biên nhận đề các ngày 10/8/2013, 16/12/2013, 22/02/2014, 12/4/2014 và ngày 31/5/2014: phần nội dung thể hiện số tiền giao nhận đã được in ghép thêm vào phần kết thúc bên giao, bên nhận ký tên; trên giấy xác nhận ngày 28/7/2013, hợp đồng các ngày 22/02/2014, 12/4/2014 và 12/8/2014, phần nội dung ở mặt trước đã được in ghép với mặt sau có nội dung bên giao, bên nhận ký tên; chữ ký trên 09 giấy vay mượn tiền là của Huỳnh Tấn L và Nguyễn Thị Thu S.

Tại Cơ quan điều tra, L khai đã trả tiền lãi các khoản vay của bà K đến hết năm 2012 với tổng số tiền là 204.917.800.000 đồng, nhưng bà K khai nhận L trả 114.814.000.000 đồng và 325.000 đô la Mỹ. Số tiền vay của bà K và một số người khác, L đã sử dụng một phần để trực tiếp mua và nhờ người thân trong gia đình đứng tên mua 21 tài sản là nhà, đất và xe ô tô có tổng trị giá 154.530.000.000 đồng. Từ ngày 01/02/2013 đến 09/4/2015, Huỳnh Tấn L đã chuyển nhượng 13 tài sản trị giá 127.031.992.000 đồng và sử dụng 124.540.000.000 đồng để trả nợ, còn lại 2.531.992.000 đồng chi tiêu cá nhân. Huỳnh Tấn L không xác định được nguồn tiền sử dụng để mua từng tài sản là tiền vay của bà K hay của cá nhân khác. Quá trình điều tra, vợ chồng Huỳnh Tấn L và bà K đã tự thỏa thuận: trả 182.821.000 đồng tiền án phí L đã nộp tại Tòa án nhân dân quận T cho bà K;

ông Huỳnh Hữu Ph được quyền sử dụng 4.481m² đất thuộc thửa số 45, tờ bản đồ số 18, T7, xã T, huyện Ch, tỉnh Đồng Tháp và ông Ph chuyển cho bà K 250 triệu đồng để L khắc phục cho bà K; ông Cung Thế T được sở hữu xe ô tô Mercedes Benz biển kiểm soát 51A-211.86, ông T giao bà K 500 triệu đồng tiền L khắc phục cho bà K; Ủy ban nhân dân xã L, huyện Ch1, tỉnh An Giang tiếp tục sử dụng xe ô tô Hyundai biển kiểm soát 51B – 086.16 làm xe cứu thương và ghi nhận L khắc phục cho bà K 700 triệu đồng. Tổng số tiền Huỳnh Tấn L đã khắc phục hậu quả cho bà Võ Thị K là 1.632.821.000 đồng. Ngoài ra, Huỳnh Tấn L đề nghị thu hồi 6,5 tỷ đồng đã sử dụng để mua 13 căn hộ tại chung cư do Công ty TNHH Thương mại Xây dựng V làm chủ đầu tư tại số 339 đường Bông Sao, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và hai thửa đất tại thị trấn M, huyện Ch1, tỉnh An Giang giao cho bà K, Cơ quan điều tra đã có Quyết định xử lý nhưng chưa được thi hành.

Đối với những tài sản Huỳnh Tấn L mua bằng nguồn tiền vay của bà Võ Thị K và một số người khác, trong đó có 06 tài sản quá trình điều tra xác định là tài sản của L đứng tên hoặc nhờ người khác đứng tên sở hữu, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã ra Quyết định kê biên tài sản.

Đối với 13 tài sản đã chuyển dịch: được xác định nguồn tiền mua là của nhiều người, trong đó của bà K chiếm phần lớn, việc chuyển dịch trong thời điểm L thực hiện hành vi phạm tội. Đề nghị Tòa án xem xét ra Quyết định cấm chuyển dịch để giải quyết về dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật, gồm 11 tài sản:

1. Nhà số 616 đường L3, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh: Huỳnh Tấn L mua ngày 05/9/2011 của các ông, bà Phạm Ngọc Th, Phạm Kim L và Phạm Kim M (ở cùng địa chỉ căn nhà) với giá 8,4 tỷ đồng. Ngày 24/10/2011, Ủy ban nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận chủ quyền cho vợ chồng Huỳnh Tấn L.

2. Nhà 614 đường L3, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh: ngày 26/7/2012, Huỳnh Tấn L và Nguyễn Thị Thu S mua của bà Nguyễn Thị B (ở cùng địa chỉ căn nhà) với giá 11,5 tỷ đồng (giá ghi trên hợp đồng là 04 tỷ đồng). Ngày 06/8/2012, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 10 cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu cho vợ chồng Huỳnh Tấn L.

Đến ngày 24/10/2013, L bán cho ông Nguyễn Công H và bà Lê Thị H (trú tại: số 175/7 Ng3, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh) 02 căn nhà nêu trên với giá 27,5 tỷ đồng để căn trừ vào số tiền 38,173 tỷ đồng vay của bà Lê Thị H (giá ghi trên hợp đồng là 03 tỷ đồng/căn). Ngày 01/11/2013, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 10 đã sang tên chủ quyền 02 căn nhà nêu trên cho vợ chồng bà Lê Thị H. Ngày 11/3/2016, vợ chồng bà Lê Thị H ký hợp đồng chuyển nhượng 02 căn nhà trên cho ông Đặng Quốc D và bà Trương Thị Ánh T (trú tại: đường Kh, phường Ph, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh). Ngày 19/3/2016, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 10 cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu cho ông D và bà T.

3. Nhà số 856 đường S, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh: ngày 06/9/2011, vợ chồng Huỳnh Tấn L ký hợp đồng mua của ông Nguyễn Hoàng D (ở cùng địa chỉ căn nhà) với giá 12 tỷ đồng. Ngày 20/9/2011, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 10 cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu cho vợ chồng Huỳnh Tấn L. Ngày 03/7/2013, vợ chồng L thế chấp căn nhà trên cho T Chi nhánh P để vay 08 tỷ đồng. Ngày 29/10/2014, vợ chồng L ký hợp đồng chuyển nhượng căn nhà trên cho ông Dương Đức Nh và bà Trần Thị Thu Tr (ở 133/26 H3, phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh) với giá 11 tỷ đồng. Ngày 04/11/2014, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 10 đã sang tên chủ sở hữu cho ông Nh và bà Tr.

4. Nhà số 1006 đường H, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh: ngày 01/11/2010, vợ chồng Huỳnh Tấn L mua của ông Vương Văn L và bà Ngô Mai H (ở cùng địa chỉ căn nhà) với giá 12 tỷ đồng. Ngày 29/11/2010, Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu cho vợ chồng Huỳnh Tấn L. Ngày 09/4/2015, vợ chồng L ký hợp đồng chuyển nhượng căn nhà này cho bà Phan Thị Ngọc T (trú tại: số 152A B1, phường Ph, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) để cầm trả nợ 09 tỷ đồng trong tổng số tiền L đang nợ bà T là 18,350 tỷ đồng và 10.000 đô la Mỹ. Bà T cho con là Nguyễn Phan Bảo Ng ký hợp đồng mua nhà. Ngày 09/4/2015, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 7 đã sang tên chủ sở hữu cho bà Nguyễn Phan Bảo Ng. Ngày 30/5/2015, bà Nguyễn Phan Bảo Ng chuyển nhượng căn nhà trên cho ông Cao Hoài Nh và bà Nguyễn Thị Kh (trú tại: số A35 Ng, phường Ng1, Quận 1). Ngày 12/6/2015, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 7 sang tên quyền sở hữu cho ông Nh và bà Kh.

5. Nhà 586 - 590/4 đường L3, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh: ngày 06/3/2011, Huỳnh Tấn L mua của ông Trần Quang B (Đường 3/2, Phường 11, Quận 10) và bà Trần Thị Quý Đ (trú tại: 594 L3, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh) với giá 26 tỷ đồng (giá ghi trong hợp đồng là 08 tỷ đồng). L nhờ em gái là Huỳnh Thị Thúy K đứng tên ký hợp đồng nhận chuyển nhượng. Ngày 27/3/2012, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 10 sang tên Giấy chứng nhận quyền sở hữu cho bà Huỳnh Thị Thúy K. Ngày 26/12/2012, L yêu cầu bà Huỳnh Thị Thúy K thế chấp căn nhà trên cho Vietinbank Chi nhánh 1, Thành phố Hồ Chí Minh để vay 12,2 tỷ đồng. Ngày 22/01/2013, L thế chấp căn nhà số 1006 đường H, phường T, Quận 7 cho Vietinbank Chi nhánh 1, Thành phố Hồ Chí Minh để vay thêm 08 tỷ đồng. Ngày 13/01/2015, theo yêu cầu của L, Huỳnh Thị Thúy K ký hợp đồng chuyển nhượng căn nhà số 586 - 590/4 L3, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cho Vietinbank Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh với giá 25.991.992.000 đồng, Vietinbank Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh cầm trả nợ gốc và lãi đối với 02 khoản vay là 24 tỷ đồng. Ngày 14/4/2015, Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu cho Vietinbank Chi nhánh 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Nhà số 312-314 T4, Phường 13, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh: ngày 27/12/2011, Huỳnh Tấn L mua của ông Nguyễn Văn M (Giám đốc Công ty TNHH TMXD V) với giá 10 tỷ đồng nhưng nhờ em họ là Mai Thanh Th1 đứng tên ký hợp đồng. Ngày 14/6/2012, Ủy ban nhân dân Quận 8 đã cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu cho bà M Thanh Th1. Ngày 19/12/2013, L yêu cầu bà Th1 ký hợp đồng chuyển nhượng căn nhà trên cho ông Nguyễn Trung Th (trú tại: số 221 Đ, phường Ph, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) với giá 06 tỷ đồng. Ngày 09/10/2014, Ủy ban nhân dân Quận 8 đã cấp Giấy chứng nhận chủ sở hữu cho ông Nguyễn Trung Th và bà Nguyễn Thị Th2. Ngày 13/02/2015, vợ chồng ông Th chuyển nhượng căn nhà trên cho bà Hồ Thị Ng (trú tại: 596 đường Ng4, Phường 3, Quận 3). Ngày 13/02/2015, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 8 đã sang tên quyền sở hữu cho bà Ng.

7. Nhà số 49 Ng2, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh: ngày 27/9/2011, Huỳnh Tấn L mua của ông Dương Đình N và bà Phạm Thị Bé B (trú tại: 49 Ng2, phường T, Quận 7) với giá 13 tỷ đồng. Ngày 28/11/2011, Ủy ban nhân dân Quận 7 cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu cho vợ chồng Huỳnh Tấn L. Ngày 28/3/2014, vợ chồng L chuyển nhượng căn nhà này cho bà Nguyễn Thị Minh H (trú tại: 162 H, Phường 10, Quận 5) với giá 15 tỷ đồng để cản trừ số tiền L đang nợ bà H là 17.821.400.000 đồng (bà H để con là Nguyễn Lê V ký hợp đồng mua bán). Ngày 21/4/2014, Văn phòng đăng ký đất đai Quận 7 đã sang tên Giấy chứng nhận quyền sở hữu cho ông Nguyễn Lê V. Ngày 30/8/2016, ông Văn chuyển nhượng căn nhà trên cho ông Phạm Hồ H và bà Phan Thị Th (trú tại: T5 KP5, phường T3, Thành phố B2, tỉnh Đồng Nai). Ngày 07/9/2016, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 7 cấp Giấy chứng nhận chủ sở hữu cho ông H và bà Th.

8. Đối với 76.919m² đất tại xã T, T1, Đồng Tháp: ngày 10/8/2012, Huỳnh Tấn L mua của các ông, bà Dương Thị X, Lâm Thành Tr (ở phường L5, thị xã T7, tỉnh An Giang) và ông, bà Hà Thiên A, Dương Thị N (trú tại: ấp Ph5, xã Ph6, huyện T, tỉnh An Giang) với giá 03 tỷ đồng. L nhờ em ruột là Huỳnh Thị Thúy K đứng tên mua bán. Ngày 12/9/2012, Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu cho K. Ngày 28/11/2013, bà K ký cam kết bảo lãnh cho L cầm cố Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho bà Dương Thị H (trú tại: 92 đường HT17, phường H5, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh) để vay 01 tỷ đồng. Ngày 13/7/2015, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1, bà H đề nghị bà K ký hợp đồng chuyển nhượng 31.458,2m² cho bà H để cản trừ nợ. Cùng ngày 13/7/2015, bà M Thị Th (trú tại: 236/19/16 Đ, Phường 17, quận B5, Thành phố Hồ Chí Minh) đề nghị bà K ký hợp đồng chuyển nhượng 45.460,8m² còn lại cho bà Th để cản trừ số tiền L còn nợ là 1.960.000.000 đồng. Ngày 28/7/2015, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T1 đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất các thửa đất trên cho bà Dương Thị H và bà M Thị Th. Huỳnh Tấn L đồng ý việc bà K chuyển nhượng đất cho bà Th vì L mua 45.460,8m² đất với giá 1.773.034.000 đồng nhưng nợ bà Th 1.960.000.000 đồng; không đồng ý việc chuyển nhượng đất cho bà H vì L mua 31.458,2m² đất

với giá 1.226.966.000 đồng nhưng chỉ nợ bà H 01 tỷ đồng. Cơ quan điều tra có công văn số 32/C44 ngày 25/01/2016, đề nghị Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T1 tạm ngưng đăng ký sang tên 31.458,2m² đã chuyển nhượng cho bà H.

Ngày 26/8/2016, tại Văn phòng UBND huyện T1, bà Th ký hợp đồng chuyển nhượng 45.460,8m² đất cho bà Huỳnh Thị Ng (trú tại: xã T8, thành phố C, Đồng Tháp). Ngày 29/9/2016, Văn phòng đăng ký đất đai huyện T1 cấp quyền sở hữu cho bà Ng.

9. Xe ô tô Toyota hiệu Fortuner biển kiểm soát 51A-082.98: do L mua mới ngày 30/3/2011 với giá 01 tỷ đồng, L nhờ vợ là Nguyễn Thị Thu S đứng tên sở hữu. Ngày 03/12/2013, vợ chồng L bán chiếc xe trên cho bà Dương Thị H bằng hình thức hợp đồng ủy quyền (thời gian ủy quyền 20 năm) với giá 01 tỷ đồng để cân trừ tiền L nợ bà H. Ngày 04/8/2015, bà H bán xe cho bà Bùi Thị H1 (trú tại: 59/4 Đường số 1, Phường 11, quận G) với giá 720 triệu đồng. Ngày 21/10/2015, theo yêu cầu của bà H1, bà H ký hợp đồng công chứng bán xe cho bà Lê Thị KIỀU D (trú tại: 33/4A Khu phố Th2, thị xã D, tỉnh Bình Dương), xe đăng ký biển kiểm soát mới 61A-253.60. Tháng 4/2016, bà D bán xe cho bà Huỳnh Kim Ph (trú tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh).

10. Xe ô tô hiệu Bentley biển kiểm soát 51A-340.77: ngày 22/6/2012, Huỳnh Tấn L mua của vợ chồng ông Phạm Văn H, bà Đặng Thị Xuân H (trú tại: 102A C, phường Ph, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) với giá 02 tỷ đồng bằng hình thức nhận ủy quyền. Ngày 09/9/2013, Huỳnh Tấn L bán xe cho bà Nguyễn Thị Ngọc L (trú tại: 492 N, Phường 12, Quận 6) với giá 03 tỷ đồng (giá ghi trên hợp đồng là 1,5 tỷ đồng). Ngày 09/02/2015, bà L bán xe cho ông Phạm Minh T1 (trú tại: 26 Đường 15, khu phố 1, phường B4, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh) với giá 03 tỷ đồng. Ngày 26/6/2015, ông Phạm Minh T1 bán xe bằng hình thức ủy quyền cho ông Nguyễn Văn S (trú tại: 641 A, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh) với giá 2,5 tỷ đồng. Ngày 01/4/2016, ông Nguyễn Văn S bán xe cho ông Phan Văn Ng (ở 19/16A B, Phường 11, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh với giá 01 tỷ đồng).

11. Nhà số 40 Đường số 2, Cư xá B, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh: ngày 06/6/2012, vợ chồng Huỳnh Tấn L mua của bà Nguyễn Thị E (trú tại: ấp H8, xã Ph8, huyện Ph9, tỉnh An Giang) với giá 05 tỷ đồng (giá ghi trên hợp đồng là 02 tỷ đồng). Ngày 05/7/2012, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 11 sang tên chủ quyền cho vợ chồng Huỳnh Tấn L. Ngày 24/10/2013, vợ chồng L chuyển nhượng cho ông Cung Thế T (trú tại: 380/15 L1, phường T2, Quận 7) để cân trừ nợ 05 tỷ đồng trong tổng số tiền L nợ ông T là 6.465.500.000 đồng (giá ghi trên hợp đồng là 3,2 tỷ đồng). Ngày 11/8/2015, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 7 đã cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu cho ông Cung Thế T. Ngày 24/12/2015, ông Cung Thế T chuyển nhượng căn nhà này cho bà Nguyễn Thị H1 (ở 93/37 Đường 100, B, Phường 14, Quận 11) và bà Trần Thị Quỳnh Ch (trú tại 71/2 tổ 18, KP5, phường Tr1, quận Th3, Thành phố Hồ Chí Minh). Ngày 09/3/2016, bà H và bà Ch chuyển nhượng căn nhà trên cho

ông Lâm Khánh Ph và bà Tạ Thị Thanh H (trú tại: KP3, phường Th, thành phố Phan Rang - Tháp Tràm, Ninh Thuận). Ngày 04/04/2016, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 11 đã cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu cho ông Ph và bà H.

Ngoài những tài sản nêu trên, Huỳnh Tấn L còn đăng ký thành lập 08 doanh nghiệp và công ty với tổng số vốn điều lệ đăng ký là 138 tỷ đồng. Qua xác minh, không có góp vốn thực tế và chưa phát sinh hoạt động kinh doanh.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 232/2019/HSST ngày 28 tháng 6 năm 2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 4, khoản 5 Điều 175; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Tấn L 20 (hai mươi) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 20/6/2015.

Phạt bổ sung bị cáo Huỳnh Tấn L 50.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); các Điều 584, 585, 589, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Huỳnh Tấn L có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại Võ Thị K tổng cộng là 202.467.179.000 đồng và 8.687.000 USD (được thanh toán bằng tiền Việt Nam đồng theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán).

Buộc Công ty TNHH Thương mại Xây dựng V truy nộp khoản tiền 6.500.000.000 đồng, dùng để thanh toán cho bà Võ Thị K và khấu trừ vào nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản nêu trên của bị cáo Huỳnh Tấn L.

Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an (C44) đối với các tài sản:

- Lệnh kê biên tài sản số 06/L-C44B ngày 31/5/2016, kê biên 5934m² đất tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 50 thuộc ấp Mỹ Hòa, thị trấn M, huyện Ch1, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH398864 do Ủy ban nhân dân huyện Ch1, tỉnh An Giang cấp ngày 28/3/2013.

- Lệnh kê biên tài sản số 07/L-C44B ngày 31/5/2016, kê biên 298,3m² đất tại thửa đất số 300, tờ bản đồ số 37 thuộc ấp Mỹ Tân, thị trấn M, huyện Ch1, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH443081 do Ủy ban nhân dân huyện Ch1, tỉnh An Giang cấp ngày 31/10/2012.

- Lệnh kê biên tài sản số 08/L-C44B ngày 31/5/2016, kê biên 68,53m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 549, tờ bản đồ số 24, địa chỉ 45/4 Ng2, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BH377412 do UBND Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/11/2011.

- Lệnh kê biên tài sản số 09/L-C44B ngày 31/5/2016, kê biên 73,9m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2, tờ bản đồ số 2, địa chỉ 1A đường H, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 972806 do Ủy ban nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/10/2011.

- Lệnh kê biên tài sản số 16/L-C44B ngày 18/5/2017, kê biên 58m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 41, địa chỉ 856 đường S, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01955 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/01/2016 của ông Dương Đức Nh và bà Trần Thị Thu Tr.

Bà Võ Thị K được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền bán phát mãi theo quy định của pháp luật đối với 02 thửa đất theo Lệnh kê biên tài sản số 06/L-C44B ngày 31/5/2016, kê biên 5934m² đất tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 50 thuộc ấp Mỹ Hòa, thị trấn M, huyện Ch1, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH398864 do Ủy ban nhân dân huyện Ch1, tỉnh An Giang cấp ngày 28/3/2013; và Lệnh kê biên tài sản số 07/L-C44B ngày 31/5/2016, kê biên 298,3m² đất tại thửa đất số 300, tờ bản đồ số 37 thuộc ấp Mỹ Tân, thị trấn M, huyện Ch1, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH443081 do Ủy ban nhân dân huyện Ch1, tỉnh An Giang cấp ngày 31/10/2012; để thu hồi tài sản bị chiếm đoạt trái phép và khắc phục thiệt hại về tài sản.

Tách ra, dành quyền khởi kiện cho bà Võ Thị K giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu tranh chấp về quyền sở hữu tài sản đối với những cá nhân, tổ chức đã nhận chuyển nhượng từ bị cáo Huỳnh Tấn L và những cá nhân đứng tên quyền sở hữu tài sản và chuyển nhượng theo yêu cầu của Huỳnh Tấn L, gồm: Nguyễn Thị Thu S, Huỳnh Thị Thúy K, Mai Thanh Th1, Nguyễn Thanh Long, Nguyễn Thị Thu Tr và Nguyễn Hữu Th; để thu hồi tài sản bị chiếm đoạt và khấu trừ vào nghĩa vụ thi hành án về tài sản đối với khoản tiền bị cáo Huỳnh Tấn L có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản đã chiếm đoạt nêu trên cho bà Võ Thị K. Cụ thể, gồm những tài sản sau:

1. Căn nhà số 01A H, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 972806 do Ủy ban nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/10/2011. Huỳnh Tấn L lập hợp đồng vay tiền và thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại Văn phòng công chứng Hoàng Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 007237 cho ông Trần Văn T (trú tại: 1103 Đường 3/2, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh) để cản trừ nợ gốc và lãi 35,543 tỷ đồng (hiện tài sản chưa sang tên cho ông T). Theo trích lục khai tử số 109/TLKT-BS ngày 18/3/2019, ông Trần Văn T (chết ngày 13/3/2019). Hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Văn T gồm: bà Tô Thị Kim Ng, sinh năm 1958 (là vợ ông T), và các con ông T, gồm các ông, bà Trần Kim H, sinh năm 1977; Trần Bích V, sinh năm 1979; Trần Anh T, sinh năm 1983; Trần Phi Y, sinh năm 1984. (Hiện tài sản đang được kê biên theo Lệnh kê biên tài sản số 09/L-C44B ngày 31/5/2016, kê biên 73,9m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 2,

tờ bản đồ số 2, địa chỉ 1A đường H, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 972806 do Ủy ban nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04/10/2011).

2. Căn nhà 45/4 Ng2, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh Ngày 10/10/2011, Huỳnh Tấn L mua nhưng để Nguyễn Thị Thu S đứng tên hợp đồng nhận chuyển nhượng căn nhà 45/4 Ng2, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Nguyễn Văn Nghĩa và bà Nguyễn Thị Hưng. Ngày 09/11/2011, Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu về tài sản cho Huỳnh Tấn L và Nguyễn Thị Thu S. Ngày 21/12/2013, Huỳnh Tấn L và Nguyễn Thị Thu S ký hợp đồng chuyển nhượng cho bà Lý Ngọc D (Hiện tài sản đang được kê biên theo Lệnh kê biên tài sản số 08/L-C44B ngày 31/5/2016, kê biên 68,53m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 549, tờ bản đồ số 24, địa chỉ 45/4 Ng2, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BH377412 do UBND Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/11/2011).

3. Căn nhà số 856 đường S, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh: ngày 06/9/2011, vợ chồng Huỳnh Tấn L ký hợp đồng mua của ông Nguyễn Hoàng D (ở cùng địa chỉ căn nhà) với giá 12 tỷ đồng. Ngày 20/9/2011, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 10 cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu cho vợ chồng Huỳnh Tấn L. Ngày 03/7/2013, vợ chồng L thế chấp căn nhà trên cho T Chi nhánh P để vay 08 tỷ đồng. Ngày 29/10/2014, vợ chồng L ký hợp đồng chuyển nhượng căn nhà trên cho ông Dương Đức Nh và bà Trần Thị Thu Tr (ở 133/26 H3, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh) với giá 11 tỷ đồng. Ngày 04/11/2014, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 10 đã sang tên chủ sở hữu cho ông Nh và bà Tr. (Hiện tài sản đang được kê biên theo Lệnh kê biên tài sản số 16/L-C44B ngày 18/5/2017, kê biên 58m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 41, địa chỉ 856 đường S, Phường 13, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01955 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/01/2016 của ông Dương Đức Nh và bà Trần Thị Thu Tr).

4. Căn nhà số 616 L3, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu ngày 24/10/2011 của Ủy ban nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho vợ chồng Huỳnh Tấn L.

5. Căn nhà số 614 L3, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh: ngày 26/7/2012, Huỳnh Tấn L và Nguyễn Thị Thu S mua của bà Nguyễn Thị B (trú tại cùng địa chỉ căn nhà) với giá 11,5 tỷ đồng (giá ghi trên hợp đồng là 04 tỷ đồng). Ngày 06/8/2012, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 10 cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu cho vợ chồng Huỳnh Tấn L.

Đến ngày 24/10/2013, Huỳnh Tấn L bán cho ông Nguyễn Công H và bà Lê Thị H (trú tại: số 175/7 đường Ng3, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh) hai căn nhà trên với giá 27,5 tỷ đồng để căn trừ vào số tiền 38,173 tỷ

đồng vay của bà Lê Thị H (giá ghi trên hợp đồng là 03 tỷ đồng/căn). Ngày 01/11/2013, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 10 đã sang tên chủ sở hữu 02 căn nhà nêu trên cho vợ chồng bà Lê Thị H. Ngày 11/3/2016, vợ chồng bà Lê Thị H ký hợp đồng chuyển nhượng 02 căn nhà trên cho ông Đặng Quốc D và bà Trương Thị Ánh T (trú tại: số 239/85 Khuông Việt, phường Ph, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh). Ngày 19/3/2016, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 10 cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu cho ông D và bà T.

6. Nhà số 1006 đường H, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh: ngày 01/11/2010, vợ chồng Huỳnh Tấn L mua của ông Vương Văn L và bà Ngô Mai H (ở cùng địa chỉ căn nhà) với giá 12 tỷ đồng. Ngày 29/11/2010, Ủy ban nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu cho vợ chồng Huỳnh Tấn L. Ngày 09/4/2015, vợ chồng L ký hợp đồng chuyển nhượng căn nhà này cho bà Phan Thị Ngọc T (trú tại: số 152A B1, phường Ph, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) để cân trừ nợ 09 tỷ đồng trong tổng số tiền L đang nợ bà T là 18,350 tỷ đồng và 10.000 đô la Mỹ. Bà T cho con là Nguyễn Phan Bảo Ng ký hợp đồng mua nhà. Ngày 09/4/2015, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 7 đã sang tên chủ sở hữu cho bà Nguyễn Phan Bảo Ng. Ngày 30/5/2015, bà Nguyễn Phan Bảo Ng chuyển nhượng căn nhà trên cho ông Cao Hoài Nh và bà Nguyễn Thị Kh (trú tại: số A35 Ng, phường Ng1, Quận 1). Ngày 12/6/2015, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 7 sang tên quyền sở hữu cho ông Nh và bà Kh.

7. Căn nhà 586 - 590/4 L3, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh: ngày 06/3/2011, Huỳnh Tấn L mua của ông Trần Quang B (ở 45A Đường 3/2, Phường 11, Quận 10) và bà Trần Thị Quý Đ (trú tại: 594 L3, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh) với giá 26 tỷ đồng (giá ghi trong hợp đồng là 08 tỷ đồng). L nhờ em gái là Huỳnh Thị Thúy K đứng tên ký hợp đồng nhận chuyển nhượng. Ngày 27/3/2012, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 10 sang tên Giấy chứng nhận quyền sở hữu cho bà Huỳnh Thị Thúy K. Ngày 26/12/2012, L yêu cầu bà Huỳnh Thị Thúy K thế chấp căn nhà trên cho Vietinbank Chi nhánh 1, Thành phố Hồ Chí Minh để vay 12,2 tỷ đồng. Ngày 22/01/2013, L thế chấp căn nhà số 1006 đường H, phường T, Quận 7 cho Vietinbank Chi nhánh 1, Thành phố Hồ Chí Minh để vay thêm 08 tỷ đồng. Ngày 13/01/2015, theo yêu cầu của L, Huỳnh Thị Thúy K ký hợp đồng chuyển nhượng căn nhà số 586 - 590/4 L3, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh cho Vietinbank Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh với giá 25.991.992.000 đồng, Vietinbank Chi nhánh 1 Thành phố Hồ Chí Minh cân trừ nợ gốc và lãi đối với 02 khoản vay là 24 tỷ đồng. Ngày 14/4/2015, Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Hồ Chí Minh đã cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu cho Vietinbank Chi nhánh 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Căn nhà số 312-314 T4, Phường 13, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh: ngày 27/12/2011, Huỳnh Tấn L mua của ông Nguyễn Văn M (Giám đốc Công ty TNHH TMXD V) với giá 10 tỷ đồng nhưng nhờ em họ là Mai Thanh Th1 đứng tên ký hợp đồng. Ngày 14/6/2012, Ủy ban nhân dân Quận 8 đã cấp giấy chứng

nhận quyền sở hữu cho bà M Thanh Th1. Ngày 19/12/2013, L yêu cầu bà Th1 ký hợp đồng chuyển nhượng căn nhà trên cho ông Nguyễn Trung Th (trú tại: số 221 Đ, phường Ph, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) với giá 06 tỷ đồng. Ngày 09/10/2014, Ủy ban dân dân Quận 8 đã cấp Giấy chứng nhận chủ sở hữu cho ông Nguyễn Trung Th và bà Nguyễn Thị Th2. Ngày 13/02/2015, vợ chồng ông Th chuyển nhượng căn nhà trên cho bà Hồ Thị Ng (trú tại: 596 đường Ng4, Phường 3, Quận 3). Ngày 13/02/2015, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 8 đã sang tên quyền sở hữu cho bà Ng.

9. Căn nhà số 49 Ng2, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh: ngày 27/9/2011, Huỳnh Tấn L mua của ông Dương Đình N và bà Phạm Thị Bé B (trú tại: 49 Ng2, phường T, Quận 7) với giá 13 tỷ đồng. Ngày 28/11/2011, Ủy ban nhân dân Quận 7 cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu cho vợ chồng Huỳnh Tấn L. Ngày 28/3/2014, vợ chồng L chuyển nhượng căn nhà này cho bà Nguyễn Thị Minh H (trú tại: 162 H, Phường 10, Quận 5) với giá 15 tỷ đồng để cản trừ số tiền L đang nợ bà H là 17.821.400.000 đồng (bà H đẻ con là Nguyễn Lê V ký hợp đồng mua bán). Ngày 21/4/2014, Văn phòng đăng ký đất đai Quận 7 đã sang tên Giấy chứng nhận quyền sở hữu cho ông Nguyễn Lê V. Ngày 30/8/2016, ông Văn chuyển nhượng căn nhà trên cho ông Phạm Hồ H và bà Phan Thị Th (trú tại: T5 KP5, phường T3, thành phố B2, tỉnh Đồng Nai). Ngày 07/9/2016, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 7 cấp Giấy chứng nhận chủ sở hữu cho ông H và bà Th.

10. 76.919 m² đất tại xã T, T1, Đồng Tháp: ngày 10/8/2012, Huỳnh Tấn L mua của các ông, bà Dương Thị X, Lâm Thành Tr (ở phường L5, thị xã T7, tỉnh An Giang) và ông, bà Hà Thiên A, Dương Thị N (trú tại: ấp Ph5, xã Ph6, huyện T, tỉnh An Giang) với giá 03 tỷ đồng. L nhờ em ruột là Huỳnh Thị Thúy K đứng tên mua bán. Ngày 12/9/2012, Ủy ban nhân dân huyện T1 cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu cho K. Ngày 28/11/2013, bà K ký cam kết bảo lãnh cho L cầm cố Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho bà Dương Thị H (trú tại: 92 đường HT17, phường H5, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh) để vay 01 tỷ đồng. Ngày 13/7/2015, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T1, bà H đề nghị bà K ký hợp đồng chuyển nhượng 31.458,2m² cho bà H để cản trừ nợ. Cùng ngày 13/7/2015, bà M Thị Th (trú tại: 236/19/16 Đ, Phường 17, quận B5, Thành phố Hồ Chí Minh) đề nghị bà K ký hợp đồng chuyển nhượng 45.460,8m² còn lại cho bà Th để cản trừ số tiền L còn nợ là 1.960.000.000 đồng. Ngày 28/7/2015, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T1 đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất các thửa đất trên cho bà Dương Thị H và bà M Thị Th. Cơ quan điều tra có công văn số 32/C44 ngày 25/01/2016, đề nghị Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện T1 tạm ngưng đăng ký sang tên 31.458,2m² đã chuyển nhượng cho bà H.

Ngày 26/8/2016, tại Văn phòng UBND huyện T1, bà Th ký hợp đồng chuyển nhượng 45.460,8m² đất cho bà Huỳnh Thị Ng (trú tại: xã T8, thành phố C, Đồng Tháp). Ngày 29/9/2016, Văn phòng đăng ký đất đai huyện T1 cấp quyền sở hữu cho bà Ng.

11. Xe ô tô Toyota hiệu Fortuner biển kiểm soát 51A-082.98: do L mua mới ngày 30/3/2011 với giá 01 tỷ đồng, L nhờ vợ là Nguyễn Thị Thu S đứng tên sở hữu. Ngày 03/12/2013, vợ chồng L bán chiếc xe trên cho bà Dương Thị H bằng hình thức hợp đồng ủy quyền (thời gian ủy quyền 20 năm) với giá 01 tỷ đồng để cản trừ tiền L nợ bà H. Ngày 04/8/2015, bà H bán xe cho bà Bùi Thị H1 (trú tại: 59/4 Đường số 1, Phường 11, quận G) với giá 720 triệu đồng. Ngày 21/10/2015, theo yêu cầu của bà H1, bà H ký hợp đồng công chứng bán xe cho bà Lê Thị KIỀU D (trú tại: 33/4A Khu phố Th2, thị xã D, tỉnh Bình Dương), xe đăng ký biển kiểm soát mới 61A-253.60. Tháng 4/2016, bà D bán xe cho bà Huỳnh Kim Ph (trú tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh).

12. Xe ô tô hiệu Bentley biển kiểm soát 51A-340.77: ngày 22/6/2012, Huỳnh Tấn L mua của vợ chồng ông Phạm Văn H, bà Đặng Thị Xuân H (trú tại: 102A C, phường Ph, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh) với giá 02 tỷ đồng bằng hình thức nhận ủy quyền. Ngày 09/9/2013, Huỳnh Tấn L bán xe cho bà Nguyễn Thị Ngọc L (trú tại: 492 N, Phường 12, Quận 6) với giá 03 tỷ đồng (giá ghi trên hợp đồng là 1,5 tỷ đồng). Ngày 09/02/2015, bà L bán xe cho ông Phạm Minh T1 (trú tại: 26 Đường 15, khu phố 1, phường B4, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh) với giá 03 tỷ đồng. Ngày 26/6/2015, ông Phạm Minh T1 bán xe bằng hình thức ủy quyền cho ông Nguyễn Văn S (trú tại: 641 A, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh) với giá 2,5 tỷ đồng. Ngày 01/4/2016, ông Nguyễn Văn S bán xe cho ông Phan Văn Ng (ở 19/16A B, Phường 11, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh) với giá 01 tỷ đồng.

13. Nhà số 40 Đường số 2, Cư xá B, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh: ngày 06/6/2012, vợ chồng Huỳnh Tấn L mua của bà Nguyễn Thị E (trú tại: ấp H8, xã Ph8, huyện Ph9, tỉnh An Giang) với giá 05 tỷ đồng (giá ghi trên hợp đồng là 02 tỷ đồng). Ngày 05/7/2012, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 11 sang tên chủ quyền cho vợ chồng L. Ngày 24/10/2013, vợ chồng L chuyển nhượng cho ông Cung Thế T (trú tại: 380/15 L1, phường T2, Quận 7) để cản trừ nợ 05 tỷ đồng trong tổng số tiền L nợ ông T là 6.465.500.000 đồng (giá ghi trên hợp đồng là 3,2 tỷ đồng). Ngày 11/8/2015, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 7 đã cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu cho ông Cung Thế T. Ngày 24/12/2015, ông Cung Thế T chuyển nhượng căn nhà này cho bà Nguyễn Thị H1 (ở 93/37 Đường 100, B, Phường 14, Quận 11) và bà Trần Thị Quỳnh Ch (trú tại 71/2 tổ 18, KP5, phường Tr1, quận Th3, Thành phố Hồ Chí Minh). Ngày 09/3/2016, bà H và bà Ch chuyển nhượng căn nhà trên cho ông Lâm Khánh Ph và bà Tạ Thị Thanh H (trú tại: KP3, phường Th, thành phố Ph9, Ninh Thuận). Ngày 04/04/2016, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Quận 11 đã cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu cho ông Ph và bà H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về việc thi hành án, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02/7/2019, ông Trần Anh T – đại diện những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn T có đơn kháng cáo đề nghị giải tỏa lệnh kê biên đối với nhà đường H, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; buộc

bị cáo Huỳnh Tấn L và bà Nguyễn Thị Thu S liên đới trả cho ông Trần Văn T số tiền 35.543.000.000 đồng.

Ngày 04/7/2019, bà Dương Thị H có đơn kháng cáo đề nghị hủy bỏ biện pháp ngăn chặn đối với 31.485m² đất tại xã T, huyện T1, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 08/7/2019, bà Lý Ngọc D có đơn kháng cáo đề nghị hủy bỏ lệnh kê biên đối với căn nhà 45/4 Ng2, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 09/7/2019, ông Cao Hoài Nh có đơn kháng cáo đề nghị hủy bỏ biện pháp cấm chuyển dịch về tài sản đối với nhà đất tại 1006 đường H, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 30/9/2019, ông Cao Hoài Nh có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo.

Ngày 10/7/2019, bị hại bà Võ Thị K có đơn kháng cáo đề nghị xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với một số cá nhân có liên quan như Nguyễn Thị Thu S, Nguyễn Thị Xuân M, Huỳnh Thúy K, Huỳnh Thúy Ph, Mai Thị Thanh Th, Nguyễn Hữu Th, Nguyễn Thị Thu Tr và sửa lại bản án sơ thẩm về phần kê biên tài sản và buộc Nguyễn Thị Thu S phải cùng liên đới với Huỳnh Tấn L bồi thường thiệt hại cho bà K.

Ngày 15/7/2019, Ngân hàng TMCP C có đơn kháng cáo đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận rõ nhà đất 586-590/4 L3, Quận 10 không phải là tài sản do phạm tội mà có, không phải là vật chứng của vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, của bà Võ Thị K, bà Lý Ngọc D, bà Dương Thị H, ông Trần Anh T, Ngân hàng TMCP C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung:

Ông Cao Hoài Nh đã rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với kháng cáo của ông Cao Hoài Nh.

Đối với kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Ngọc D, bà Dương Thị H, ông Trần Anh T và Ngân hàng C chi nhánh 1: Những tài sản mà cơ quan điều tra kê biên đều hình thành phần lớn từ tiền vay của bà K và một số người khác. Đây là vật chứng của vụ án nên cần phải thu hồi để xử lý theo quy định pháp luật. Mặc dù những người này mua tài sản này hợp pháp từ bị cáo L nhưng nguồn gốc hình thành tài sản do hành vi phạm tội của bị cáo mà có nên cần phải trả lại cho người bị hại là bà K. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của những người này thì cần tách ra dành quyền khởi kiện cho họ khởi kiện vụ án theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu tranh chấp quyền sở hữu tài sản. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Lý Ngọc D, bà Dương Thị H, ông Trần Anh T và Ngân hàng C chi nhánh 1.

Đối với kháng cáo của bà Võ Thị K: Lời khai của Huỳnh Tấn L và những người liên quan đều khẳng định L thực hiện hành vi phạm tội một mình, những người như Nguyễn Thị Thu S, Nguyễn Thị Xuân M, Huỳnh Thị Thúy K... không biết bị cáo chiếm đoạt tiền của bị hại; không đủ chứng cứ chứng minh những người này là đồng phạm của bị cáo. Về xử lý tài sản, do những tài sản bị cáo dùng tiền của bà K để mua đã chuyển dịch quyền sở hữu cho các cá nhân, tổ chức khác theo đúng trình tự pháp luật dân sự nên cần tách ra dành quyền khởi kiện về dân sự cho bà K đối với 13 tài sản này. Đối với số tiền 6,5 tỷ đồng L dùng để đầu tư mua căn hộ, Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty V truy nộp khoản tiền này là có căn cứ. Đối với số tiền đầu tư tại công ty dược T, không có căn cứ xác định dùng tiền của bà K để mua.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị hại bà Võ Thị K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Ngọc D, bà Dương Thị H, ông Trần Anh T và Ngân hàng C chi nhánh 1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Võ Thị K trình bày: Tại phiên tòa phúc thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm có sự mâu thuẫn, khi thì cho rằng các tài sản trong vụ án đều là vật chứng nên cần thu hồi để trả cho bà K, khi lại cho rằng cần tách ra để giải quyết bằng 01 vụ kiện dân sự là không nhất quán. Trong khi đó, hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo Huỳnh Tấn L đã sử dụng nguồn tiền vay của bà K và một số người khác, trong đó phần lớn là tiền của bà K để mua 13 bất động sản sau đó chuyển nhượng cho người khác nên những tài sản này là vật chứng của vụ án. Bản án sơ thẩm tách ra và dành cho bà K quyền khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự đối với 13 tài sản này là không đúng quy định pháp luật. Ngoài ra, bị cáo còn sử dụng tiền chiếm đoạt mua 13 căn hộ của Công ty V và góp vốn vào Công ty cổ phần dược phẩm T. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét kê biên các tài sản trên để khắc phục hậu quả cho bà K. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý trách nhiệm của Nguyễn Thị Thu S, Nguyễn Thị Xuân M, Huỳnh Thị Thúy K, Huỳnh Thị Thúy Ph, Mai Thị Thanh Th, Nguyễn Hữu Th, Nguyễn Thị Thu Tr... trong việc giúp sức cho Huỳnh Tấn L chiếm đoạt tài sản. Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho cấp phúc thẩm điều tra, xét xử lại.

Bà Lý Ngọc D trình bày: Số tiền mà bị cáo nợ bà là 06 tỷ đồng, tài sản thế chấp là căn nhà 45/4 Ng2 có giá trị 02 tỷ đồng, nếu cần trừ thì bị cáo còn nợ bà 04 tỷ đồng. Việc bà mua lại căn nhà này là hợp pháp, ngay tình, không có mục đích nhằm giúp bị cáo tẩu tán tài sản. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bỏ lệnh kê biên căn nhà 45/4 Ng2.

Bà Dương Thị H trình bày: Việc cần trừ công nợ giữa bà và Huỳnh Tấn L không vượt quá số tiền mà bị cáo đã nợ bà. Chưa đủ căn cứ để khẳng định diện tích đất 31.485m² tại xã T bị cáo dùng tiền chiếm đoạt của bà K và những người khác để mua. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bỏ lệnh kê biên đối với diện tích đất 31.485m² nêu trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn T trình bày: Vợ chồng Huỳnh Tấn L và Nguyễn Thị Thu S vay của ông Trần Văn T 35.543.000.000 đồng và thế chấp bằng quyền sử dụng đất, sở hữu nhà tại số 1A H, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng vay và thế chấp được thực hiện đúng quy định pháp luật. Thời điểm lập hợp đồng vay và thế chấp thì bị cáo chưa chiếm đoạt tiền của bà K, giao dịch giữa bị cáo và bà K là giao dịch dân sự. Không có chứng cứ chứng minh nhà đất tại 1A H bị cáo dùng nguồn tiền do phạm tội mà có để mua nên không phải là vật chứng của vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải tỏa lệnh kê biên đối với nhà đất tại số 1A H; buộc L và S liên đới trả cho ông T 35.543.000.000 đồng, trường hợp L và S không thanh toán được thì đề nghị cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T được đứng tên sở hữu nhà 1A H để cản trừ khoản nợ.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP C trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận rõ nhà đất 586-590/4 L3, Quận 10 không phải là tài sản do phạm tội mà có, không phải là vật chứng của vụ án để ngân hàng có căn cứ xử lý tài sản, thu hồi nợ cho ngân hàng. Việc ngân hàng cho bị cáo vay là hợp pháp, đúng mục đích, việc xử lý tài sản cũng được tiến hành theo quy định pháp luật. Thời điểm ngân hàng cho vay và thế chấp nhà 586-590/4 L3 thì giao dịch giữa bà K và bị cáo là quan hệ dân sự.

Bị cáo Huỳnh Tấn L không tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 09/7/2019, ông Cao Hoài Nh có đơn kháng cáo đề nghị hủy bỏ biện pháp cấm chuyển dịch về tài sản đối với nhà đất tại 1006 đường H, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến ngày 30/9/2019, ông Cao Hoài Nh có đơn xin rút lại toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Căn cứ khoản 3 Điều 342 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu kháng cáo của ông Cao Hoài Nh.

[2] Về thủ tục tố tụng tại cấp sơ thẩm:

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy do có mối quan hệ quen thân từ trước nên từ tháng 10/2010 đến tháng 12/2012, bà Võ Thị K đã cho Huỳnh Tấn L vay số tiền 239,5 tỷ đồng và 8.687.000 USD, thể hiện qua 08 giấy vay tiền L cùng vợ là Nguyễn Thị Thu S ký tên vay và 01 giấy xác nhận L ký tên một mình. Đến cuối năm 2012 do mất khả năng trả nợ nên L đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền vay của bà K. Lợi dụng lòng tin của bà Võ Thị K, Huỳnh Tấn L đưa 09 tờ giấy cho bà K ký rồi in ghép nội dung thành các biên nhận và hợp đồng xác nhận việc L đã trả hết nợ (204 tỷ đồng và 8.687.000 USD) và bà K vay của L 82 tỷ đồng và 3.866 lượng vàng SJC. Khoản tiền vay của bà K và một

số cá nhân khác, Huỳnh Tấn L sử dụng để mua 13 tài sản, sau đó đã chuyển dịch cho người khác theo trình tự, thủ tục và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất cho người mua. Việc mua bán các tài sản nói trên có sự tham gia của Nguyễn Thị Thu S là vợ của Huỳnh Tấn L.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 14/11/2017 (BL 2810) và bản tự khai, S khai nhận có cùng L ký 08 giấy xác nhận vay tiền của bà K; lập bảng kê chi tiết về việc trả lãi vay cho bà K; khi mua các tài sản là bất động sản thì S là người cùng đứng tên chủ sở hữu và chuyển nhượng lại cho những người khác; S cũng nhiều lần rút tiền từ khoản vốn góp vào Công ty cổ phần dược phẩm T và chi cho hoạt động của công ty. Do đó, không thể cho rằng S không biết việc Huỳnh Tấn L lạm dụng số tiền vay của bà K để mua tài sản. Như vậy, cần phải điều tra làm rõ trách nhiệm của Nguyễn Thị Thu S, tránh bỏ lọt tội phạm.

Sau khi chiếm đoạt tiền của bà K thì L sử dụng tiền vay nhận chuyển nhượng 21 tài sản là nhà, đất và xe ô tô để mình trực tiếp đứng tên hoặc nhờ những người thân khác trong gia đình như Nguyễn Thị Xuân M, Huỳnh Thị Thúy K, Huỳnh Thị Thúy Ph, Mai Thị Thanh Th, Nguyễn Hữu Th, Nguyễn Thị Thu Tr đứng tên giùm. Khi sự việc xảy ra, những người này đã thỏa thuận chuyển nhượng lại cho người thứ ba để cản trừ nợ dẫn đến không Th hồi được tài sản để hoàn trả cho người bị hại. Do đó, cũng cần phải điều tra làm rõ vai trò của những người này có giúp sức cho L trong việc chiếm đoạt tài sản của người bị hại hay không.

Quá trình giải quyết vụ án trên, các cơ quan tiến hành tố tụng không xem xét vai trò giúp sức của những cá nhân có liên quan nêu trên; không xem xét trách nhiệm hình sự, trách nhiệm dân sự đối với Nguyễn Thị Thu S là thiếu sót.

[3] Đối với việc sử dụng nguồn tiền chiếm đoạt của bị cáo:

Quá trình điều tra ban đầu bị cáo thừa nhận dùng tiền của bà K để mua bất động sản, tuy nhiên bị cáo lại thay đổi lời khai lại, cho rằng phần lớn nguồn tiền mua tài sản là của bà K, ngoài ra còn có nguồn vay của nhiều người khác.

Tại biên bản hỏi cung ngày 04/12/2015 (BL449-455), biên bản hỏi cung ngày ngày 10/12/2015 (BL477-480), bản tự khai ngày 03/3/2016 (BL 545-546), Huỳnh Tấn L khai bị cáo dùng tiền của bà K để mua các bất động sản gồm: nhà đất tại 1A H, 616 L3, 856 đường S, 586-590/4 L3, 49 Ng2, 312-314 T4, số 40 đường số 2 cư xá B, 27A H1, 58/9 A, 15/4 Ng2, 02 chiếc xe ô tô và đặt mua 13 căn hộ của V. Tại biên bản hỏi cung bị can ngày 07/6/2016 (BL519) L khai về việc sử dụng tiền của bà K như sau: *“Bị can vay của bà K tổng cộng tính theo tiền Việt Nam là 384.864.836.000 đồng. Trong đó, bị can dùng số tiền 154.530.000.000 đồng để mua 21 loại tài sản (có bảng kê bị can giải trình kèm theo)”*. Tương tự, tại bản tự khai ngày 22/01/2017 (BL2623-2625), L khai theo đối chiếu với tài liệu do bà K cung cấp thì L xác định đã trả cho khoản vay của bà K 204.917.000.000 đồng, còn lại 150.000.000.000 đồng để mua 21 tài sản (bị cáo liệt kê rõ).

Tuy nhiên, tại biên bản hỏi cung ngày 22/01/2017 (BL2616-2620), L lại xác định không nhớ rõ sử dụng bao nhiêu tiền vay của bà K để mua 21 tài sản, chỉ xác định được phần lớn tiền mua các tài sản này là từ nguồn tiền vay của bà K.

Xem xét lời khai của vợ bị cáo là Nguyễn Thị Thu S thì thấy tại biên bản ghi lời khai ngày 16/12/2015 (BL1078), Nguyễn Thị Thu S khai *“thực tế những tài sản trên tôi đứng tên theo yêu cầu của anh L, nguồn tiền để mua các tài sản đó do anh L có được từ tiền chiếm đoạt của bà K...”*. Sau đó, tại biên bản ghi lời khai ngày 20/01/2017 (BL2630-2632), Nguyễn Thị Thu S lại khai *“theo tôi biết tiền của anh L có được chủ yếu do vay mượn từ bà Võ Thị K và của nhiều người khác”*.

Như vậy, lời khai của bị cáo và Nguyễn Thị Thu S về việc sử dụng nguồn tiền chiếm đoạt của bà K còn có sự mâu thuẫn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra các Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 99/2018/HSST-QĐ ngày 20/4/2018 và số 314/2018/HSST-QĐ ngày 30/11/2018: yêu cầu điều tra làm rõ trách nhiệm của Nguyễn Thị Thu S; yêu cầu xác minh, thu thập tài liệu và ghi lời khai để làm rõ giá trị chuyển nhượng thực tế đối với 11 tài sản là bất động sản, về tình trạng chuyển nhượng, cũng như hiện nay ai là người đang quản lý, sử dụng đối với từng tài sản này. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn yêu cầu điều tra bổ sung làm rõ việc Huỳnh Tấn L mua cổ phần tại Công ty cổ phần dược phẩm T đến tháng 6/2012 là 60.648.920.000 đồng, sau đó L rút tiền ra và nộp lại nhiều lần tại ngân hàng C, sau cùng chuyển nhượng cho bà Dương Thu Hiền dưới dạng cổ phiếu sử dụng nguồn tiền nào để mua, có phải từ nguồn tiền chiếm đoạt của bà K hay không? Từ đó làm căn cứ cho việc Tòa án xem xét ra Quyết định cấm chuyển dịch về tài sản và giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự; tuy nhiên không được Cơ quan điều tra, xác minh làm rõ.

Hội đồng xét xử xét thấy cần điều tra làm rõ thời điểm Huỳnh Tấn L nhận tiền từ bà K và thời điểm mua tài sản để từ đó xác định cụ thể những tài sản này dùng tiền của bà K để mua là bao nhiêu. Từ đó mới có căn cứ để xử lý những tài sản có liên quan cho bà K cũng như đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho những người khác.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định đủ cơ sở xác định phần lớn số tiền Huỳnh Tấn L sử dụng để mua 13 tài sản, bất động sản được hình thành có nguồn gốc từ nguồn tiền vay của bà Võ Thị K, ngoài ra còn có một số người khác nhưng không xác định được cụ thể là ai. Như vậy, những tài sản nêu trên là vật chứng trong vụ án; nên cần áp dụng khoản 2 Điều 42 Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) nay được quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), đề thu hồi tài sản mà bị cáo Huỳnh Tấn L chiếm đoạt trái phép và xử lý theo quy định của pháp luật để đảm bảo cho nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại.

Tòa án cấp sơ thẩm lại tách ra, dành quyền khởi kiện cho bà Võ Thị K giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự khi có yêu cầu tranh chấp là không phù hợp với quy định pháp luật. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và nay là Điều 30 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì việc giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án hình sự được tiến hành cùng với việc giải quyết vụ án hình sự. Cấp sơ thẩm xác định phần lớn số tiền Huỳnh Tấn L sử dụng để mua 13 tài sản, bất động nêu trên được hình thành có nguồn gốc từ nguồn tiền vay của bà Võ Thị K. Sau khi mua các bất động sản từ nguồn tiền chiếm đoạt được, trong một khoảng thời gian ngắn, vợ chồng Huỳnh Tấn L và Nguyễn Thị Thu S chuyển nhượng quyền sở hữu các tài sản nói trên cho người khác, sau đó, những người này tiếp tục chuyển nhượng cho người khác và đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu về tài sản, quyền sử dụng đất.

Quá trình giải quyết vụ án, Huỳnh Tấn L cũng như những người mua, người nhận chuyển nhượng không có yêu cầu tranh chấp về quyền sở hữu tài sản đối với các tài sản nêu trên. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng cách cầm trừ bằng các giấy vay nợ ghi tay, không T sản thế chấp. Xét thấy, việc chuyển nhượng các tài sản nói trên có dấu hiệu của việc tẩu tán tài sản, do vậy, cần phải xem xét tính hợp pháp của các giao dịch chuyển nhượng này và xử lý theo quy định của pháp luật cùng với việc xem xét trách nhiệm hình sự của Huỳnh Tấn L để đảm bảo nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại cũng như những cá nhân, tổ chức đã nhận thế chấp, cầm cố, chuyển nhượng đối với các tài sản là bất động sản, tài sản nêu trên.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy việc điều tra, truy tố và xét xử của cấp sơ thẩm không đầy đủ, có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, do vậy cần thiết phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, truy tố, xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

[6] Các đương sự có kháng cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 342, điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

1/. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Cao Hoài Nh.

2/. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Võ Thị K, bà Lý Ngọc D, bà Dương Thị H, ông Trần Anh T, Ngân hàng TMCP C.

Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 232/2019/HS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao điều tra lại theo quy định pháp luật.

3/. Bà Võ Thị K, bà Lý Ngọc D, bà Dương Thị H, ông Trần Anh T, Ngân hàng TMCP C, ông Cao Hoài Nh không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Công an TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP. HCM;
- Cục THADS TP. HCM;
- Trại tạm giam T17 Bộ Công an (2);
- ĐS (30);
- Lưu VP (3), HS (2). (45b).MSL38.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy